

Bản án số: 99/2022/DS-PT

Ngày: 22/4/2022

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Trần Thị Liên Anh

**Các thẩm phán:** Bà Nguyễn Thị Thúy

Bà Nguyễn Thị Lan Anh

**Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thùy Trang, Thư ký Tòa  
án

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:** Bà Lê Thị Hồng  
Hạnh, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội  
xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 107/2022/TLPT-DS ngày  
24/3/2022 về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2022/DS-ST ngày 18/01/2022 của Tòa  
án nhân dân huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 83/2022/QĐ-PT ngày  
30/3/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 102/QĐPT- HPT ngày 13/4/2022  
giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn Tiến, sinh năm 1958.

Trú tại: Thôn Xuân Dục, xã Tân Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà  
Nội.

**2. Bị đơn:** Anh Nguyễn Hữu Nghị, sinh năm 1971.

Trú tại: Thôn Xuân Dục, xã Tân Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà  
Nội.

**3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Chị Nguyễn Thị Lương,  
sinh năm 1978.

Trú tại: Thôn Xuân Dục, xã Tân Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà  
Nội.

Do có kháng cáo của ông Nguyễn Văn Tiến là nguyên đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:**

**Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Tiến trình bày:**

Ông và anh Nguyễn Hữu Nghị là người cùng thôn, ông có cho anh  
Nguyễn Hữu Nghị vay các khoản tiền sau:

- Ngày 16/10/2015, ông cho anh Nguyễn Hữu Nghị vay số tiền 3.000.000 đồng. Hai bên có lập Hợp đồng về việc cho vay có thể chấp, lãi suất: 5%/1 tháng, thời hạn vay: 01 tháng, hạn trả vào ngày 16/11/2015. Hai bên chỉ cho nhau vay tiền nhưng không có thể chấp tài sản. Ông đã giao đủ cho anh Nghị số tiền 3.000.000 đồng nhưng đến hạn, anh Nghị không trả tiền cho ông. Đến ngày 26/6/2016, anh Nghị mới trả cho ông số tiền 2.000.000 đồng. Ông xác định, anh Nghị còn nợ ông số tiền nợ gốc của Hợp đồng về việc cho vay có thể chấp ngày 16/10/2015 là 1.600.000 đồng.

- Ngày 01/7/2018, ông có cho anh Nguyễn Hữu Nghị vay số tiền 10.000.000 đồng, hai bên có viết giấy vay tiền mặt, anh Nghị tự viết giấy vay tiền gồm tên anh Nghị và vợ anh Nghị là chị Nguyễn Thị Lương. Thời hạn vay 02 tháng. Lãi suất vay hai bên chỉ thỏa thuận miệng 5%/tháng nhưng không ghi vào giấy vay tiền mặt. Anh Nghị tự ký tên chị Lương vào giấy vay tiền vì khi vay tiền không có mặt chị Lương ở đó, ông xác định ông chỉ cho riêng anh Nghị vay số tiền 10.000.000 đồng trên. Cùng ngày 01/7/2018, ông đã giao đủ cho anh Nghị số tiền 10.000.000 đồng. Nhưng đến hết 02 tháng kể từ ngày vay tiền, anh Nghị không trả nợ cho ông. Ông xác định Trong đoạn cuối của trang đầu Giấy vay tiền mặt, ghi: "lãi 5% 1T" là do tự tay ông điền thêm sau này khi không có mặt anh Nghị. Ông yêu cầu anh Nghị phải trả ông số tiền nợ theo Giấy vay tiền ngày 01/7/2018 là: Tiền gốc 10.000.000 đồng và tiền lãi gồm: Lãi suất trong hạn là 20% và lãi suất trên số nợ gốc quá hạn chưa trả là 150% lãi suất trong hạn. Thời gian tính lãi từ ngày 01/7/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Ông xác định không có việc anh Nghị đã trả cho đủ cho ông số tiền 3.000.000 đồng của Hợp đồng về việc cho vay có thể chấp ngày 16/10/2015 và số tiền 11.300.000 đồng của Giấy vay tiền mặt ngày 01/7/2018. Vì nếu ông nhận tiền của anh Nghị thì phải có giấy giao nhận tiền.

***Bị đơn anh Nguyễn Hữu Nghị trình bày:***

- Ngày 16/10/2015, anh có vay của ông Tiến số tiền 3.000.000 đồng. Hai bên có lập Hợp đồng về việc cho vay có thể chấp, lãi suất: 5%/1 tháng, thời hạn vay 01 tháng, hạn trả vào ngày 16/11/2015. Hai bên chỉ cho nhau vay tiền nhưng không có thể chấp tài sản. Anh đã nhận đủ số tiền vay 3.000.000 đồng. Anh xác định chữ ký, chữ viết Nguyễn Hữu nghị trong Hợp đồng về việc cho vay có thể chấp ngày 16/10/2015 do ông Tiến xuất trình là chữ ký, chữ viết của anh và anh vay cho riêng cá nhân vì lúc đó anh chưa lập gia đình. Nhưng anh đã trả cho ông Tiến toàn bộ số tiền gốc 3.000.000 đồng và tiền lãi của Hợp đồng về việc cho vay có thể chấp ngày 16/10/2015. Anh không nhớ rõ ngày trả và số tiền lãi đã trả cho ông Tiến, vì khi anh trả tiền cho ông Tiến, hai bên không lập văn bản về việc trả tiền.

- Ngày 01/7/2018, anh có vay của ông Tiến số tiền 10.000.000 đồng như lời khai của ông Tiến và anh tự viết giấy vay tiền mặt, anh tự ký tên anh và tên vợ anh là Nguyễn Thị Lương. Chữ ký, chữ viết Nguyễn Hữu Nghị và Nguyễn Thị Lương trong Giấy vay tiền mặt ngày 01/7/2018 do ông Tiến xuất trình đều là chữ ký, chữ viết của anh. Số tiền 10.000.000 đồng trên anh vay của ông Tiến là vay chi tiêu cá nhân, không liên quan đến vợ anh. Việc anh ghi tên vợ

Nguyễn Thị Lương vào Giấy vay tiền là do yêu cầu của ông Tiến, chứ vợ anh không biết gì về việc này. Trong giấy vay tiền mặt, hai bên thỏa thuận thời hạn trả là 02 tháng kể từ ngày vay, hai bên không ghi lãi suất mà chỉ thỏa thuận miệng với nhau về lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000đồng/1ngày. Hàng tháng, anh có trả tiền lãi cho ông Tiến nhưng không lập văn bản về việc trả tiền lãi. Trong giấy vay tiền không ghi lãi suất, ông Tiến tự điền thêm "lãi 5% 1T", anh không biết việc đó và anh không đồng ý với việc ông Tiến tự ghi thêm vào giấy vay tiền. Khoản vay 10.000.000 đồng theo Giấy vay tiền mặt ngày 01/7/2018, anh đã trả cho ông Tiến 11.300.000 đồng tiền gốc và tiền lãi của 02 tháng là tháng 8 và tháng 9 năm 2018, vì tiền lãi của tháng 7 năm 2018, anh đã trả cho ông Tiến và anh có ghi vào giấy vay tiền nhưng không ghi rõ số tiền. Anh trả cho ông Tiến số tiền 11.300.000 đồng vào tháng 9 năm 2018, tại quán cắt tóc của anh vì hôm đó anh có gọi em trai anh là anh Nguyễn Văn Hùng đem cho anh vay 10.000.000 đồng để trả cho ông Tiến. Khi anh trả tiền cho ông Tiến, có anh Nguyễn Văn Hùng làm chứng, do tin tưởng nhau nên anh không lập giấy giao nhận tiền. Anh xác định, anh chỉ còn nợ ông Tiến số tiền lãi 1.700.000 đồng của khoản vay 10.000.000 đồng. Vì nếu trả đủ cho ông Tiến thì sẽ là 13.000.000 đồng cả gốc và lãi nhưng do anh chỉ có 11.300.000 đồng trả cho ông Tiến nên anh còn nợ ông Tiến 1.700.000 đồng tiền lãi.

Nay, ông Tiến yêu cầu anh trả toàn bộ số tiền nợ gốc 1.600.000 đồng của Hợp đồng về việc cho vay có thể chấp ngày 16/10/2015 và tiền gốc, tiền lãi của khoản vay 10.000.000 đồng theo Giấy vay tiền mặt ngày 01/7/2018, anh không đồng ý, các khoản vay trên đã hết thời hiệu khởi kiện. Anh chỉ đồng ý trả cho ông Tiến số tiền nợ lãi còn thiếu là 1.700.000 đồng của khoản vay 10.000.000 đồng.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Lương:*** Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Lương đã không cung cấp tài liệu, chứng cứ và ý kiến của mình về các tranh chấp có trong vụ án.

***Người làm chứng anh Nguyễn Văn Hùng trình bày:*** Về quan hệ, anh là em ruột của anh Nguyễn Hữu Nghị, anh không biết gì về việc ông Tiến cho anh Nghị vay tiền. Khoảng tháng 9 năm 2018, anh có được anh Nghị gọi điện đem cho anh Nghị vay 10.000.000 đồng xuống quán cắt tóc của anh Nghị tại thôn Xuân Dục, Tân Minh để trả cho ông Tiến. Khi anh đến quán cắt tóc của anh Nghị, có mặt cả ông Tiến, anh có đưa cho anh Nghị 10.000.000 đồng và anh Nghị đưa cho ông Tiến nhưng anh không biết anh Nghị đưa cho ông Tiến 10.000.000 đồng là khoản tiền gì, anh chỉ biết cho anh Nghị vay tiền và anh Nghị có đưa trả ông Tiến, anh không thấy hai bên lập biên bản về việc giao tiền. Đến nay, anh Nghị đã trả đủ cho anh số tiền 10.000.000 đồng và anh không liên quan gì đến vụ án.

***Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2022/DS-ST ngày 18/1/2022 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội đã quyết định:***

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Tiến đối với anh Nguyễn Hữu Nghị về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. (Thể hiện là Hợp đồng về việc cho vay có thể chấp ngày 16/10/2015 và Giấy vay tiền mặt ngày 01/7/2018).

- Buộc anh Nguyễn Hữu Nghị phải trả cho ông Nguyễn Văn Tiến số tiền 12.520.000 đồng, trong đó:

Tiền nợ gốc của Hợp đồng về việc cho vay có thể chấp ngày 16/10/2015 là 1.000.000 đồng.

Tiền nợ gốc và lãi chậm trả của Giấy vay tiền mặt ngày 01/7/2018 là: 11.520.000 đồng.

**2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn Tiến về số tiền lãi của Hợp đồng về việc cho vay có thể chấp ngày 16/10/2015 và mức lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn của Giấy vay tiền mặt ngày 01/7/2018.**

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Tiến có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm.

#### **Tại phiên tòa:**

**Nguyên đơn** ông Nguyễn Văn Tiến đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo, buộc anh Nghị phải trả ông số tiền 28.570.983 đồng đối với Hợp đồng vay tài sản ngày 16/10/2015 và Giấy vay tiền mặt ngày 01/7/2018.

**Bị đơn** anh Nghị vắng tại phiên tòa, HĐXX công bố lời khai của anh Nghị.

#### **Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội:**

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các nguyên đơn tuân thủ đầy đủ các quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ kiện, đại diện VKS nhân dân Thành phố Hà Nội đề nghị HĐXX áp dụng Khoản 2 Điều 308 BLTTDS sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2022/DS-ST ngày 18/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội theo hướng xác định khoản vay theo Giấy vay tiền mặt ngày 01/7/2018 là khoản vay có lãi. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn về lãi trong hạn và quá hạn đối với khoản vay ngày 01/7/2018.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa xét thấy:

**Về hình thức:** Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Tiến nộp trong hạn luật định, về hình thức là hợp lệ.

**Về tố tụng:** Bị đơn anh Nguyễn Hữu Nghị vắng mặt tại phiên tòa mặc dù được tổng đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa số 102/2022/QĐPT- HPT ngày 13/4/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội. Đây là phiên tòa lần thứ hai, HĐXX xét xử theo quy định tại Điều 296 BLTTDS.

#### **Về nội dung:**

Hợp đồng về việc cho vay có thể chấp ngày 16/10/2015 do ông Tiến xuất trình thể hiện, anh Nghị ký nhận có vay của ông Tiến số tiền 3.000.000 đồng, lãi suất 5%/1 tháng, hạn trả vào ngày 16/11/2015. Anh Nghị thừa nhận anh có vay của ông Tiến số tiền 3.000.000 đồng ngày 16/10/2015, anh đã được nhận của ông Tiến số tiền trên và chữ ký, chữ viết Nguyễn Hữu Nghị trên Hợp

đồng về việc cho vay có thể chấp ngày 16/10/2015 là của anh nên có đủ cơ sở xác định anh Nghị đã vay của ông Tiến số tiền 3.000.000 đồng. Ông Tiến xác định đã được anh Nghị trả 2.000.000 đồng nhưng các bên không xác định rõ bao nhiêu tiền gốc và tiền lãi. Như vậy, anh Nghị còn nợ ông Tiến 1.000.000 tiền nợ gốc.

Về tiền lãi: Theo Hợp đồng về việc cho vay có thể chấp ngày 16/10/2015 có thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng nhưng theo quy định tại Điều 427 Bộ luật Dân sự năm 2005: *“Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về hợp đồng dân sự là hai năm kể từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, pháp nhân, các chủ thể khác bị xâm phạm”* và quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì yêu cầu thanh toán khoản tiền lãi đối với khoản vay này đã hết thời hiệu.

Các đương sự không xuất trình được tài liệu, chứng cứ để xác định rõ số tiền nợ gốc và nợ lãi mà anh Nghị đã trả cho ông Tiến, không yêu cầu Tòa án xem xét về mức lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét về căn cứ để tính lãi và tính lại khoản tiền lãi mà anh Nghị đã trả cho ông Tiến.

Bản án sơ thẩm buộc anh Nghị phải trả cho ông Tiến số tiền 1.000.000 đồng tiền nợ gốc theo Hợp đồng về việc cho vay có thể chấp ngày 16/10/2015 là phù hợp.

- Về yêu cầu buộc anh Nguyễn Hữu Nghị phải trả số tiền nợ gốc, nợ lãi theo Giấy vay tiền mặt ngày 01/7/2018.

Giấy vay tiền mặt ngày 01/7/2018 do ông Tiến xuất trình thể hiện, anh Nghị ký nhận có vay của ông Tiến số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 02 tháng. Anh Nghị thừa nhận anh có vay của ông Tiến số tiền 10.000.000 đồng ngày 01/7/2018, anh đã được nhận của ông Tiến số tiền trên và chữ ký, chữ viết Nguyễn Hữu Nghị trên Giấy vay tiền mặt ngày 01/7/2018 là của anh nên có đủ cơ sở xác định anh Nghị đã vay của ông Tiến số tiền 10.000.000 đồng. Trong giấy vay tiền mặt có ghi "Lãi 5% 1T", ông Tiến xác định những chữ "Lãi 5% 1T" là do ông tự ghi khi không có mặt anh Nghị và anh Nghị cũng xác định chữ "Lãi 5% 1T" là do ông Tiến tự ghi thêm, không phải chữ của anh. Vì vậy, anh Nghị có trách nhiệm phải trả cho ông Tiến số tiền nợ gốc: 10.000.000 đồng theo Giấy vay tiền mặt ngày 01/7/2018.

Về lãi suất, Giấy vay tiền ngày 01/7/2018 không ghi nhận khoản vay có thỏa thuận về lãi nhưng ông Tiến và anh Nghị đều xác định là khoản vay có tính lãi theo thỏa thuận miệng. Giấy vay tiền ngày 01/7/2018 anh Nghị có ghi đã trả lãi tháng 7/2018 nên đủ căn cứ xác định khoản vay này là khoản vay có tính lãi. Ông Tiến xác định lãi suất là 5%/tháng, anh Nghị xác định lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày như vậy các bên có tranh chấp về lãi suất.

Theo quy định tại Điều 468 BLDS 2015; điểm c Khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì lãi suất trong hạn là 10%/năm : 12 tháng = 0,83%/tháng.

Lãi suất quá hạn một tháng là:  $0,83\%/tháng \times 150\% = 1,25\%/tháng$ .

Lãi suất quá hạn một ngày là:  $1,25\%/tháng : 30 \text{ ngày} = 0,042\%/ngày$ .

Theo đó: Lãi suất trong hạn từ 01/7/2018 đến 01/9/2018 là:  $10.000.000đ \times 0,83\% \times 2 \text{ tháng} = 166.000 \text{ đồng}$ ; lãi suất quá hạn từ 02/9/2018 đến thời điểm xét xử sơ thẩm 18/01/2022 là 3 năm 04 tháng 17 ngày là:  $10.000.000đ \times 1,25\%/tháng \times 40 \text{ tháng} = 5.000.000đ$ ;  $10.000.000đ \times 0,042\% /ngày \times 17 \text{ ngày} = 71.400đ$ . Tổng số tiền lãi là:  $166.000 \text{ đồng} + 5.000.000đ + 71.400đ = 5.237.400đ$ . Tổng số tiền gốc và lãi theo Giấy vay ngày 01/7/2018 là 15.237.400đ.

Bản án sơ thẩm xác định khoản vay này không có thỏa thuận về lãi và áp dụng mức lãi suất cơ bản quy định tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố về mức lãi suất cơ bản đồng Việt Nam là 9%/năm là không phù hợp cần sửa án sơ thẩm như phân tích trên.

Anh Nghị thừa nhận Hợp đồng về việc cho vay có thể chấp ngày 16/10/2015 và Giấy vay tiền mặt ngày 01/7/2018 do ông Tiến xuất trình có chữ ký, chữ viết Nguyễn Hữu Nghị là chữ ký, chữ viết của anh. Anh xác định, ngày 16/10/2015, anh có vay của ông Tiến số tiền 3.000.000 đồng theo Hợp đồng vay, anh đã trả cho ông Tiến đủ số tiền gốc 3.000.000 đồng và tiền lãi, khi trả hai bên không lập văn bản về việc trả tiền. Ngày 01/7/2018, anh có vay của ông Tiến 10.000.000 đồng, hai bên có lập giấy vay tiền mặt, khi lập giấy vay tiền mặt, theo yêu cầu của ông Tiến, anh có viết họ tên vợ anh là Nguyễn Thị Lương vào Giấy và tự ký tên Nguyễn Thị Lương vào Giấy vay tiền mặt, chị Lương không biết và không liên quan đến khoản tiền vay này. Anh đã trả cho ông Tiến tiền lãi của tháng 7 năm 2018, đến tháng 9 năm 2018, anh trả cho ông Tiến 11.300.000 đồng là tiền nợ gốc và tiền nợ lãi của tháng 8, tháng 9 năm 2018 tại quán cắt tóc của anh, anh còn nợ ông Tiến tiền lãi của tháng 9 năm 2018 là 1.700.000 đồng, vì khi vay hai bên có thỏa thuận miệng là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày. Anh xác định hai khoản vay trên, anh vay chi tiêu cá nhân, không liên quan đến vợ anh là chị Nguyễn Thị Lương.

Anh Nghị không xuất trình được chứng cứ chứng minh đã trả cho ông Tiến số tiền nợ gốc, lãi của khoản vay 3.000.000 đồng theo Hợp đồng về việc cho vay có thể chấp ngày 16/10/2015 và khoản vay 10.000.000 đồng theo Giấy vay tiền mặt ngày 01/7/2018 nên không có căn cứ chấp nhận.

Ông Tiến và anh Nghị đều xác định chữ ký Nguyễn Thị Lương tại Giấy vay tiền mặt ngày 01/7/2018 là do anh Nghị tự viết, chị Lương không biết và không liên quan đến khoản vay trên nên xác định chị Lương không liên quan đến khoản vay trên, đây không phải là khoản nợ chung của vợ chồng anh Nghị nên chị Lương không có trách nhiệm liên đới trả nợ cùng anh Nghị theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Anh Hùng khai có nhìn thấy việc anh Nghị đưa cho ông Tiến số tiền 10.000.000 đồng tại quán cắt tóc của anh Nghị nhưng không biết đó là khoản tiền gì, mặt khác anh Nghị xác định trả cho ông Tiến 11.3000.000 đồng tại

quán cắt tóc nên không đủ căn cứ chứng minh việc anh Nghị đã trả cho ông Tiến số tiền 10.000.000 đồng theo Giấy vay tiền mặt ngày 01/7/2018.

Từ những phân tích trên đủ cơ sở xác định, anh Nguyễn Hữu Nghị còn nợ ông Tiến số tiền 1.000.000 đồng nợ gốc theo Hợp đồng về việc cho vay có thể chấp ngày 16/10/2015 và 15.237.400 đồng tiền nợ gốc, lãi theo Giấy vay tiền mặt ngày 01/7/2018. Tổng số tiền anh Nghị phải trả theo 2 giấy vay tiền là 16.237.400đ.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội phù hợp với nhận định của HĐXX.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Tiến.

**Về án phí:**

Án phí dân sự phúc thẩm:

Do sửa án sơ thẩm ông Tiến không phải chịu án phí phúc thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn anh Nguyễn Hữu Nghị phải chịu 811.870 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên, áp dụng Khoản 2 Điều 308 BLTTDS sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2022/DS-ST ngày 18/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ:**

- Điều 471; Khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005;
- Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Luật Thi hành án dân sự;
- Điểm đ Khoản 1 Điều 12, Điều 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Tiến đối với anh Nguyễn Hữu Nghị về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản (Thể hiện là Hợp đồng về việc cho vay có thể chấp ngày 16/10/2015 và Giấy vay tiền mặt ngày 01/7/2018).

- Buộc anh Nguyễn Hữu Nghị phải trả cho ông Nguyễn Văn Tiến số tiền là 16.237.400 đồng, trong đó: Tiền nợ gốc của Hợp đồng về việc cho vay có thể chấp ngày 16/10/2015 là 1.000.000 đồng; tiền nợ gốc và lãi của Giấy vay tiền mặt ngày 01/7/2018 là: 15.237.400 đồng.

**Về án phí:**

Án phí dân sự phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Tiến không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn anh Nguyễn Hữu Nghị phải chịu 811.870 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND huyện Sóc Sơn;
- Chi cục THADS huyện Sóc Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Trần Thị Liên Anh**